| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 128/2026/HS-ST
Ngày 14-5-2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Quý;

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Phượng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lan Phương, ông Vy Tiến H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2026/TLST-HS ngày 27-3-2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST-HS ngày 10-4-2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/HSST-QĐ ngày 24-4-2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Đặng N (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01-9-1993 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020093006302, cấp ngày 16-12-2021; nơi thường trú và nơi ở: Số C đường L, thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A M, sinh năm 1964 và con bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1968; có vợ là Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1996; có 02 con: Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án hình sự số 37/2021/HSST ngày 23-7-2021 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày 23-7-2021 (đã chấp hành xong bản án); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-10-2025, chuyển tạm giam từ ngày 05-11-2025 đến ngày 24-01-2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Linh Đức A (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 03-02-1995; căn cước công dân số: 020095009580, cấp ngày 26-02-2022; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Số nhà B, thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Linh Văn N1, sinh năm 1959 và con bà Hoàng Thị H3, sinh

năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-10-2025, chuyển tạm giam từ ngày 05-11-2025 đến ngày 24-01-2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại; có mặt.

Bị cáo Linh Đức A là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn H, thuộc Đảng bộ xã C. Đã bị Đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 09-QĐ/UBKTĐU ngày 13-11-2025 của Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy xã C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đỗ Trung K (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 08-5-1996; căn cước công dân số: 020096000976, cấp ngày 19-4-2022; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1969 và con bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970; vợ là Nguyễn Vân A1, sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 02 con: Con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-10-2025, chuyển tạm giam từ ngày 05-11-2025 đến ngày 24-01-2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại; có mặt.

Bị cáo Đỗ Trung K là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn Q, thuộc Đảng bộ xã C. Đã bị Đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 10-QĐ/UBKTĐU ngày 13-11-2025 của Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy xã C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt. SĐT: 0914.974.384.

2. Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0983.109.894.

3. Anh Nguyễn Đức Đ1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt. SĐT: 0984.637.215.

4. Ông Bế Văn H4, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt. SĐT: 0989.647.898.

5. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu Phố B, xã M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt. SĐT: 0978.110.002.

6. Anh Lư Văn Đ2, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt. SĐT: 0868.275.457.

7. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0963.270.836.

8. Ông Trịnh Anh Đ3, sinh năm 1976; địa chỉ: P K1 tập thể H, phường Ô, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0912.121.489.

9. Anh Lương Ngọc L1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0843.120.294.

10. Anh Nguyễn Hùng H6, sinh năm 1999; địa chỉ: Đ, xã T, D, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0815.613.195.

11. Anh Trần Anh T2, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn M, xã C, thành phố Hà Nội; vắng mặt. SĐT: 0969.869.729.

12. Chị Hà Phương T3, sinh năm 1994; địa chỉ: Số H, đường T, khối G, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. SĐT: 0335.253.075.

13. Anh Hứa Văn V, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. SĐT: 0366.567.737.

14. Anh Hoàng Văn N2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. SĐT: 0868.649.388.

15. Chị Hoàng Thị Thanh L2, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. SĐT: 0344.517.418.

16. Anh Nông Hải H7, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; **có mặt**. SĐT: 0975.067.801.

17. Anh Hoàng Anh T4, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt. SĐT: 0389.692.022.

18. Anh Phạm Văn H8, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt. SĐT: 0854.535.368.

19. Anh Trần Mạnh T5, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn H, xã S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt. SĐT: 0333.698.548.

20. Anh Nguyễn Gia V1, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt. SĐT: 0369.205.710.

21. Anh Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt. SĐT: 0369.052.098.

22. Chị Nguyễn Thị Minh T7, sinh năm 2004; địa chỉ: Số A, ngõ E, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

23. Chị Dương Thị B, sinh năm 2002; địa chỉ: Số D, ngõ I, đường L, khối G, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

24. Chị Vi Thị Tuyết N3, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn G, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

25. Anh Phạm Văn T8, sinh năm 2009; địa chỉ: Số A đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

26. Anh Hoàng Hà Anh T9, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

27. Chị Vi Thanh T10, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

28. Chị Nông Thùy L3, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

29. Anh Trần Đăng H9, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

30. Anh Chu Quốc H10, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

31. Chị Hoàng Thị T11, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C, ngõ B đường L, khối B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; **có mặt**. SĐT: 0943.892.389.

32. Chị Nông Thanh T12, sinh năm 2000; địa chỉ: Số D, ngõ A đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

33. Anh Chu Văn T13, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

34. Chị Phạm Thị Huệ N4, sinh năm 2003; địa chỉ: Khối Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

35. Anh Đoạn Công V2, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn P, phường K, tỉnh Lạng Sơn; **có mặt**. SĐT: 0857.240.688.

36. Chị Vi Thị Thùy L4, sinh năm 1998; địa chỉ: Phố N, phường H, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

37. Anh Vi Hồng Q, sinh năm 2004; địa chỉ: K, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

38. Chị Ngô Như Q1, sinh năm 2004; địa chỉ: Số B, ngõ B đường B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

39. Chị Nguyễn Quỳnh A2, sinh năm 2006; địa chỉ: Khu L, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

40. Anh Nông Hoàng Bảo N5, sinh năm 2003; địa chỉ: Số C ngách A ngõ E đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

41. Anh Vũ Đức L5, sinh năm 2004; địa chỉ: Số G ngõ D, Phố M, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

42. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 2007; địa chỉ: Số nhà C, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

43. Anh Phạm Nam A3, sinh năm 2007; địa chỉ: Số C ngõ C đường N, khối B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

44. Chị Nguyễn Thị H11, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26-10-2025, sau khi tiếp nhận tin báo từ công dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra tại tầng 3, nhà số A, đường P, phường K, tỉnh Lạng Sơn phát hiện nhóm đối tượng có hành vi sử dụng điện thoại di động gọi

điện, nhắn tin hướng dẫn khách hàng vay tiền online qua các ứng dụng (APP). Tiến hành khai thác toàn bộ dữ liệu điện tử trên các thiết bị di động, laptop để xác minh, làm rõ sự việc. Quá trình điều tra xác định: Khoảng cuối năm 2024, qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Trần Đặng N gặp một người Trung Quốc tên thường gọi là L6 để xin việc (N không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của L6). Qua trao đổi, L6 thuê N làm phiên dịch để phục vụ công việc với tiền công 7.000.000 đồng/tháng. Do chưa có văn phòng làm việc nên L6 bảo N tìm chỗ thuê văn phòng và tuyển nhân viên cho công ty. Sau đó N đã thuê tầng 4 tòa nhà Đ, Lô A, B Khu công nghiệp Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh làm văn phòng và được giao vừa là phiên dịch, vừa làm quản lý nhân viên thực hiện tư vấn mời khách vay tiền qua ứng dụng APP.

Đến khoảng tháng 08-2025, L6 bảo N thuê tầng 3, số A, đường P, phường K để mở văn phòng Công ty tại Lạng Sơn. Ngải đã rủ và hướng dẫn bị cáo Linh Đức A và Đỗ Trung K cùng nhau quản lý. Sau đó, L6 chỉ đạo Ngải tuyển nhân viên, ban đầu Ngải giới thiệu làm công việc tư vấn khách hàng về điện tử, khi họ đồng ý và đến phỏng vấn trực tiếp thì mới cho họ biết công việc chính là tư vấn tài chính cho vay qua ứng dụng. Quá trình tuyển dụng từ tháng 8-2025 đến thời điểm bị phát hiện có 23 nhân viên được tiếp nhận và làm việc tại văn phòng. Đến khoảng tháng 09-2025, theo chỉ đạo của L6, N bảo Linh Đức A đứng tên làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty TNHH Đ5, địa chỉ như trên và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23-9-2025 với ngành nghề kinh doanh là hỗ trợ tài chính, mục đích thông qua các ứng dụng vay tiền online như: "Quick Quang - ios; Mar Vay - ios; T14; Hataco vay - ios; Think credit; DhLoan - Androi; Kasik V - IOS; laviFinance - ios; Canan Tài và S - IOS" để giới thiệu các khách vay tiền, lãi suất vay từ 30-45%/07 ngày tùy vào từng người vay, vay trong thời gian 07 ngày phải thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận; các ứng dụng vay tiền này do Công ty tổng ở phía Trung Quốc gửi. Bị cáo Trần Đặng N là người đứng đầu quản lý, điều hành theo sự chỉ đạo của L6. Trần Đặng N sử dụng máy tính xách tay để theo dõi thông tin khách hàng, theo dõi thành tích nhân viên, quản lý chung, quản lý tài khoản Telemarket. Còn Linh Đức A là quản lý cấp dưới của N, được giao nhiệm vụ phân công công việc cho nhân viên, quản lý nhân viên đi làm hoặc xin nghỉ làm và là người đại diện pháp luật của Công ty. Đỗ Trung K là quản lý cấp dưới của N, được giao nhiệm vụ phỏng vấn tuyển nhân viên, quản lý công việc của nhân viên. Các nhân viên còn lại được thuê để gọi điện mời khách vào ứng dụng vay tiền từ danh sách khách hàng mà ứng dụng Telemarket cung cấp.

Quá trình hoạt động, hàng ngày vào thời điểm 08 giờ, các nhân viên có trách nhiệm thông qua danh sách người vay do các ứng dụng vay tiền gửi đến tài khoản của mình để gửi đường link vào tài khoản zalo của các danh sách khách vay này, nếu các khách hàng có nhu cầu vay thì liên hệ nhân viên để hướng dẫn cách đăng nhập hoặc khách tự đăng nhập vào đường link và điền các thông tin cần thiết theo hướng dẫn trên ứng dụng vay tiền. Nếu ai được vay thì giải ngân và hiện lên trên tài khoản của nhân viên, kết quả nhân viên được tính một đơn/một người vay và sẽ được hưởng hoa hồng cho người vay này. Trường hợp

khách tự vay mà có trong danh sách của nhân viên được ứng dụng cung cấp danh sách vay thì vẫn được tính là cho một người vay và được hưởng tiền hoa hồng. Số tiền và tính lãi thông qua các ứng dụng, văn phòng Công ty TNHH Đ5 thực hiện giai đoạn mời khách hàng vay tiền theo lãi suất Công ty tổng bên Trung Quốc đưa ra và hưởng lương, tiền hoa hồng như nêu trên.

Quá trình làm việc, các nhân viên được N, K, A hướng dẫn cách thức, phương pháp tư vấn, hỗ trợ cho khách hàng vay tiền, hướng dẫn nhân viên các ứng dụng vay tiền online cho khách vay với lãi suất cho vay từ 30%-45% kể từ khi khoản vay được duyệt và giải ngân, khi khoản vay được giải ngân, tùy từng khách hàng có thể sẽ bị trừ luôn tiền lãi vay 07 ngày. Khách hàng trực tiếp thao tác trên ứng dụng, các nhân viên không biết việc khách hàng thỏa thuận về ngày vay. Số tiền vay lần đầu từ 600.000 đồng đến số tiền vay cao nhất là 30.000.000 đồng tùy thuộc vào người vay, số lần vay.

Quá trình làm việc, được đối tượng Trung Quốc trả cho Trần Đặng N tiền lương 10.000.000 đồng/tháng, tiền hoa hồng thì được trả khoảng 1.500.000đồng/tuần; Đỗ Trung K được trả lương 8.500.000đồng/tháng; Linh Đức A được trả lương 7.500.000đồng/tháng, tiền hoa hồng của A và K trung bình khoảng 500.000 đồng/tuần. Ngoài tiền lương hàng tháng, N, K, A còn được hưởng hoa hồng tùy thuộc vào số lượng khách hàng vay được tiền. Ngải hưởng lợi là 3.000 đồng/nhân viên/khách/ngày, A và K được hưởng là 2.000 đồng/nhân viên/khách/ngày.

Căn cứ dữ liệu điện tử thu thập được xác định, bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K đã cho 1.678 lượt khách hàng trên cả nước có tên trong danh sách vay tiền tại các ứng dụng trên, tổng số tiền 8.735.536.097 đồng với lãi suất (từ 30% đến 45%)/07 ngày, thu lợi bất chính 3.332.329.931 đồng. Kết quả điều tra làm rõ được từ ngày 10-8-2025 đến ngày 26-10-2025 có 21 khách hàng vay với số tiền là 657.128.000 đồng; lãi suất từ 28,16% đến 112,96%; thời hạn vay 07 ngày; tương đương với lãi suất từ 1469% đến 5890%/năm, gấp 73 đến 295 lần so với lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi là 257.928.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 2.379.578 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.548.422 đồng. Theo tài liệu thu thập thì tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 255.548.422 đồng, thì các bị cáo được hưởng tiền lương, tiền hoa hồng như sau: Trần Đặng N 30.500.000 đồng; Linh Đức A 15.025.000 đồng ; Đỗ Trung K 12.128.000 đồng.

Những người khác và tình tiết liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông Trung Quốc có tên là L6. Căn cứ dữ liệu điện tử và qua nhận dạng xác định là WANG KAIHAO, sinh năm 1988, trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi yêu cầu Tương trợ tư pháp hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa để làm rõ các nội dung liên quan đến vụ án, tuy nhiên hiện chưa có kết quả trả lời, nên đã tách tin báo và tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý đối với WANG KAIHAO theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Đối với phần dữ liệu điện tử thu thập được trên 1.000 lượt người vay, do không đủ thông tin xác định nên không đủ cơ sở xác

minh làm rõ giải quyết trong vụ án. Đối với tài khoản trả tiền lương, tiền hoa hồng xác định tài khoản chi trả là của Nguyễn Thị H11, sinh năm 2005, trú tại Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Tại Cơ quan điều tra, H11 khai nhận bản thân là bạn gái của L6 (tức WANG KAIHAO). H11 có cho L6 mượn và sử dụng 03 tài khoản đứng tên mình tại Ngân hàng V4, ngân hàng V5 và ngân hàng B1. H11 không biết L6 mượn, sử dụng các tài khoản trên vào mục đích gì và H11 không được hưởng lợi gì từ việc cho mượn tài khoản này, hiện chưa bắt được L6, nên chưa đủ căn cứ xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị H11.

Đối với Công ty Cổ phần T15 (G), Công ty Cổ phần D1 (V6) thực hiện các hoạt động thu hộ, chi hộ đối với các khoản tiền giải ngân tiền vay, tiền thanh toán khoản vay của khách vay tiền. Qua làm việc, 02 Công ty này không biết, không liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng, chỉ biết thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ theo nội dung của khách hàng gửi nên không có căn cứ xem xét xử lý. Đối với 23 nhân viên làm việc tại văn phòng Công ty TNHH Đ5, đều không ký hợp đồng lao động, được các bị cáo cho biết hoạt động lĩnh vực hỗ trợ tài chính hợp pháp, có giấy phép đăng ký kinh doanh; không được biết về lãi suất thực tế vay, thời gian vay, không được hưởng lợi nên không đủ căn cứ để xử lý. Đối với Công ty TNHH Đ5 do N thành lập đứng tên Linh Đức A, ngành nghề kinh doanh là hỗ trợ tài chính, nhưng việc điều hành dùng app cho vay với lãi suất vượt quá quy định cho phép, thu lợi bất chính đều do N, A, K thực hiện. Do đó không xem xét trách nhiệm pháp nhân của Công ty TNHH Đ5.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSLS-P1 ngày 23-3-2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng hiện tạm giữ: Hiện thu giữ máy tính, các điện thoại, lattop liên quan đến việc phạm tội của 03 bị cáo và của 23 người nhân viên tại công ty TNHH Đ5.

Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung truy tố. Những người liên quan có mặt tại phiên tòa đều trình nội dung sự việc như các bị cáo đã khai nhận và đề nghị xin lại điện thoại di động bị thu giữ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, căn cứ lời nhận tội, kết quả điều tra đã làm rõ tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội như Cáo trạng truy tố, nên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về tình tiết tăng nặng các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Trần Đặng N tuy ngày 23-7-2021 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù, cho

hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày 23-7-2021, nhưng đã được xóa án tích, nên cũng thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và phạm tội ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo Trần Đặng N có bác ruột (anh ruột của mẹ bị cáo) là ông Hoàng Thành Đ4 là liệt sỹ hy sinh ngày 19-12-1979, có đóng góp quỹ vì người nghèo năm 2026 là 500.000 đồng cho UBMTTQVN xã C, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Đỗ Trung K được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiến tiến năm 2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, có mẹ là bà Hoàng Thị L được tặng Kỷ niện chương vì sự nghiệp Tòa án năm 2014 và Bằng khen của Chánh án Tòa án tối cao năm 2017, kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tư pháp năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ tư pháp, có ông bà nội là ông Đỗ Xuân Y và bà Hoàng Thị Á đều được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và đã nộp lại 12.128.000 đồng tiền hưởng lợi; bị cáo Linh Đức A có đóng góp quỹ vì người nghèo năm 2026 là 500.000 đồng cho UBMTTQVN xã C, tỉnh Lạng Sơn, được tặng Giấy khen khi tham gia nghĩa vụ quân sự và đã nộp lại số tiền hưởng lợi là 15.025.000 đồng, nên các bị cáo cùng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật và mức hình phạt như sau:

Đối với bị cáo Trần Đặng N, áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, 38 Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đặng N từ 12 đến 15 tháng tù giam.

Đối với bị cáo Linh Đức A, áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Linh Đức A từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Đối với bị cáo Đỗ Trung K, áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Trung K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Không đề nghị xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì không có tài sản, không có nghề nghiệp, công việc làm và thu nhập ổn định.

Đối với số tiền cho vay, tiền lãi thu lợi bất chính do người đàn ông Trung Quốc có tên là L6, xác định tên là W, sinh năm 1988, trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc thực hiện việc cho vay và thu tiền lãi bên nước Trung Quốc. Do chưa xác minh và bắt được WANG KAIHAO nên tách phần này và Lệnh phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị H11 cho W mượn để xử lý sau theo quy định.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị truy thu tiền các bị cáo được hưởng lợi khi phạm tội của Trần Đặng N là 30.500.000 đồng; Linh Đức A là 15.025.000 đồng; Đỗ Trung K là 12.128.000 đồng; xác nhận bị cáo A và K đã nộp đủ. Về vật chứng, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước máy tính, điện thoại thu của các bị cáo, vì sử dụng phạm tội; trả lại những chiếc điện thoại di động cho 23 nhân viên, vì là tài sản cá nhân không liên quan đến phạm tội.

Các bị cáo đều nhất trí với lời luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh điều kiện gia đình cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là sai, bản thân rất ân hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là phù hợp; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ, đầy đủ; các bị cáo, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là đúng quy định.

[2] Về tố tụng, tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng một số người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, phiên tòa được mở lại lần thứ hai mà họ vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả khai thác dữ liệu trên máy tính, điện thoại thu được, và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, nên xác định từ ngày 10-8-2025 đến ngày 26-10-2025 bị cáo Trần Đặng N thực hiện việc quản lý, điều hành nhân viên dưới sự chỉ đạo của đối tượng người Trung Quốc thông qua các ứng dụng vay tiền trên mạng; còn bị cáo Linh Đức A và Đỗ Trung K là đồng phạm theo sự phân công giúp Trần Đặng N quản lý nhân viên, tư vấn và theo dõi nhân viên hỗ trợ khách vay tiền. Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K đã cho 21 người trên nhiều tỉnh thành vay tiền dưới hình thức lãi ngày với lãi suất 28,16% đến 112,96%; thời hạn vay 07 ngày; tương đương với lãi suất từ 1469% đến 5890%/năm, gấp 73 đến 295 lần so với lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tổng số tiền lãi là 257.928.000đồng, trong đó lãi hợp pháp là 2.379.578 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 255.548.422 đồng. Nên đủ căn cứ tuyên bố các bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dan sự theo khoản 2 của Điều 201 Bộ luật hình sự với tình tiết *"Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên",* nên Cáo trạng tuy tối các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật

[4] Khi phạm tội các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi cho vay với lãi xuất cao

vượt quá quy định của pháp luật là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có thu nhập để chi tiêu cá nhân vẫn cố ý thực hiện.

[5] Các bị cáo phạm tội với tính chất ít nghiêm trọng, để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về hành vi, vai trò và tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp, như sau: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nên là đồng phạm giản đơn, giúp sức cho đối tượng người Trung Quốc, tuy với số tiền thu lợi bất chính là 255.548.422 đồng. Nhưng các bị cáo không cung cấp vốn, không được thu lợi từ số tiền bất chính này. Trong đó bị cáo Trần Đặng N có vai trò cao hơn, còn Linh Đức A và Đỗ Trung K có vai trò như nhau.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và Linh Đức A, Đỗ Trung K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với Trần Đặng N, tuy ngày 23-7-2021 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày 23-7-2021, nhưng đã được xóa án tích theo quy định, nên thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và phạm tội ít nghiêm trọng, nên cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, và bị cáo Đỗ Trung K được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiến tiến năm 2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nên có thêm tình tiết giảm nhẹ do có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Đăng N6 có bác ruột (anh ruột của mẹ bị cáo) là ông Hoàng Thành Đ4 là liệt sỹ hy sinh ngày 19-12-1979, có đóng góp quỹ vì người nghèo năm 2026 là 500.000 đồng cho UBMTTQVN xã C, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Đỗ Trung K có mẹ là Hoàng Thị L được tặng Kỷ niện chương vì sự nghiệp Tòa án năm 2014 và Bằng khen của Chánh án Tòa án tối cao năm 2017, kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tư pháp năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ tư pháp, có ông bà nội là Đỗ Xuân Y và bà Hoàng Thị Á đều được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Linh Đức A có đóng góp quỹ vì người nghèo năm 2026 là 500.000 đồng cho UBMTTQVN xã C, tỉnh Lạng Sơn và được tặng Giấy khen khi tham gia nghĩa vụ quân sự, nên cả 03 bị cáo cùng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Linh Đức A, Đỗ Trung K không có tiền án, tiền sự; chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên xác định có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Trần Đặng N, tuy đã phạm tội và được xóa án tích, nhưng vẫn vi phạm pháp luật nên xác định có nhân thân không tốt.

[8] Về hình phạt chính: Các bị cáo cùng thực hiện giúp sức cho đối tượng người Trung Quốc, tuy với số tiền thu lợi bất chính là 255.548.422 đồng. Nhưng các bị cáo không cung cấp vốn, không được hưởng lợi từ việc thu lợi bất chính này, bị cáo Linh Đức A, Đỗ Trung K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tăng nặng,

nhân thân tốt. Nên áp dụng ở mức hình phạt phù hợp và không cần thiết phạt tù giam mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương là phù hợp, có căn cứ. Đối với bị cáo Trần Đặng N với vai trò cao hơn các bị cáo còn lại, đã vi phạm pháp luật hình sự, nên cần xử phạt tù, cách ly bị cáo một thời gian phù hợp để bị cáo an tâm cải tạo, sau này thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì không có tài sản, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, nên không bảo đảm việc thi hành phạt tiền bổ sung.

[10] Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của Trần Đặng N là 30.500.000 đồng; Linh Đức A là 15.025.000 đồng; Đỗ Trung K là 12.128.000 đồng; xác nhận bị cáo Linh Đức A và Đỗ Trung K đã nộp đủ số tiền bị truy thu tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Đối với đối tượng người Trung Quốc xác định là WANG KAIHAO, sinh năm 1988, trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc là người cung cấp tiền cho vay, thu tiền lãi. Do chưa có kết quả điều tra tương trợ tư pháp về hình sự của Trung Quốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách tin báo và tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau, nên toàn bộ số tiền cho vay, tiền lãi thu lời bất chính có liên quan đến những người vay, cũng như việc phong tỏa tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị H11, sẽ được xem xét khi bắt được đối tượng người Trung Quốc và điều tra, xử lý ở một vụ án khác theo quy định. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[12] Về vật chứng: Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước máy tính, các chiếc điện thoại đang thu giữ của các bị cáo, vì dùng vào việc phạm tội. Trả lại 23 chiếc điện thoại di động cho 23 nhân viên, vì là tài sản cá nhân không liên quan đến phạm tội.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 1 - Lạng Sơn về tội danh, hình phạt và các nội dung khác là phù hợp; tuy nhiên Viện kiểm sát chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi Đỗ Trung K được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiến tiến năm 2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L khi thực hiện nghĩa vụ quân sự là chưa phù hợp; mà bị cáo Đỗ Trung K được hưởng tình tiết giảm nhẹ do có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như nhận định đánh giá nêu trên.

[14] Về án phí; quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

**2.** Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

2.1. Về hình phạt chính

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, 38 Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đặng N 01 (một) năm tù, thời hạn thi hành án phạt từ tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-10-2025 đến ngày 24-01-2026.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Linh Đức A 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 14-5-2026.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17, Điều 50; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Trung K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 14-5-2026.

Giao bị cáo Linh Đức A, Đỗ Trung K cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách được hưởng án treo, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K.

2.3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung nộp ngân sách Nhà nước, như sau:

- Bị cáo Trần Đặng N là 30.500.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Linh Đức A là 15.025.000 đồng (mười lăm triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Linh Đức A4 đã nộp xong số tiền 15.025.000 đồng theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/26E số 0000678 ngày 14-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo Đỗ Trung K là 12.128.000 đồng (mười hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Đỗ Trung K đã nộp xong số tiền 12.128.000 đồng theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/26E số 0000537 ngày 21-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

**3.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản (máy tính, điện thoại di động) như sau:

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Apple; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, bên trong lắp sim in chữ V3 và sim in chữ VNSKY số seri: 8401240312761254; 01 (một) điện thoại iphone, màu bạc (đều đã qua sử dụng) của bị cáo Trần Đặng N.

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng đồng, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0913.866.812 của bị cáo Đỗ Trung K.

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng đồng, đã qua sử dụng của bị cáo Linh Đức A.

3.2. Trả lại các điện thoại di động cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

- Trả cho Nguyễn Thị Minh T7 01 (một) điện thoại di dộng màu đen, số IMEI: 354 953 620 352 163, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim có số thuê bao 0963.490.155.

- Trả cho Dương Thị B 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 màu tím, số IMEI: 352 928 114 305 523, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0965.499.205.

- Trả cho Vi Thị Tuyết N3 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh đen, số IMEI: 351 519 635 407 855, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim có số thuê bao 0374.805.821.

- Trả cho Phạm Văn T8 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh ngọc, số IMEI: 352 911 119 635 276, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0368800663.

- Trả cho Hoàng Hà Anh T9 01(một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh đen, số IMEI: 358 759 852 928 356, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0976.952.109.

- Trả cho Vi Thanh T10 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, số IMEI: 351 942 833 548 829, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0348.220.353.

- Trả cho Nông Thùy L3 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 350 141 789 281 514, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0867.081.074.

- Trả cho Trần Đăng H9 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, số IMEI: 357 853 681 131 153, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0356.009.643.

- Trả cho Chu Quốc H10 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro Max màu xanh, số IMEI: 352 653 445 299 209, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0904.023.762.

- Trả cho Hoàng Thị T11  01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A12, màu xanh, số IMEI 1: 358 334 900 994 949, IMEI 2: 359 755 830 994 949, đã qua sử dụng.

- Trả cho Nông Thanh T12 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu hồng, số IMEI: 356 451 107 982 329, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0327.915.447.

- Trả cho Chu Văn T13 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, số IMEI: 352 941 886 056 620, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0378.667.562.

- Trả cho Phạm Thị Huệ N4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số IMEI: 358 577 788 532 310, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0866.093.263.

- Trả cho Đoạn Công V2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A79, màu xám, số IMEI: 862 774 062 849 309, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0854.168.388.

- Trả cho Vi Thị Thùy L4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh, số IMEI: 352 513 427 919 572, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0866.093.263.

- Trả cho Vi Hồng Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, số IMEI: 354 440 892 099 458, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0866.093.263.

- Trả cho Ngô Như Q1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh, số IMEI: 353 889 100 587 236; số IMEI 2: 353 889 100 724 219, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0339.665.807.

- Trả cho Nguyễn Quỳnh A2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu trắng, số IMEI: 354 066 780 529 191, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0395.203.681.

- Trả cho Nông Hoàng Bảo N5 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen, số IMEI: 353 896 106 274 206, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0332.082.027.

- Trả cho Vũ Đức L5 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, mặt lưng màu tím, số IMEI: 353 999 105 101 071, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0862.992.090.

- Trả cho Nguyễn Thành C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu vàng, số IMEI: 353 314 076 826 930, đã qua sử dụng, và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số IMEI: 355 435 970 686 068, máy đã qua sử dụng.

- Trả cho Phạm Nam A3 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu trắng, số IMEI: 354 324 418 058 950, IMEI 2: 354 324 419 037 862, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim 0965.895.393.

*(Vật chứng này được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-03-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh L với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn).*

**4.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Đặng N, Linh Đức A, Đỗ Trung K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

**5.** Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; còn những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THA HS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THA dân sự khu vực 1- Lạng Sơn;
- Các bị cáo: Ngải, An, Kiên;
- Người có QLVNLQ: (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Xuân Tĩnh**